TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/DS-ST
Ngày: 09-11-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Sơn

2. Bà Nguyễn Thị Bạch Gương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lan H – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ xét xử công khai vụ án Dân sự thụ lý số 71/2023/TLST- DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc"*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-DS ngày 01/11/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966

Địa chỉ: Tổ E, ấp E, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- Bị đơn: Bà Võ Thị Ngọc T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ F, khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1963

Địa chỉ: Tổ F, khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2021, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Nguyễn Thị L và bà Võ Thị Ngọc T đều là những người buôn bán tại chợ P. Khoảng năm 2018 bà Võ Thị Ngọc T có huy động các tiểu thương buôn bán trong chợ góp hụi do bà T làm chủ. Bà L đã tham gia chơi hụi do bà T tổ chức, cụ thể như sau:

Ngày 10/7/2018 (âm lịch), bà L tham gia góp hụi 2.000.000 đồng/tháng khui hụi một lần. Bà H1 đóng hụi trực tiếp cho bà Võ Thị Ngọc T. Bà L chơi 02 đầu hụi, đóng hụi sống cho đến ngày 10/6/2019 (âm lịch) là được 12 kỳ. Bà T quy ước kỳ đầu là ăn hụi 400.000 đồng, đóng hụi sống 1.600.000 đồng, những kỳ cuối ăn hụi 300.000 đồng, đóng hụi sống 1.700.000 đồng. Trong dây hụi này bà L đóng hụi thực tế tổng số tiền 19.700.000 đồng.

Ngày 10/10/2018 (âm lịch), bà L tham gia góp hụi 2.000.000 đồng/tháng khui hụi một lần. Bà L góp 02 đầu hụi, đóng hụi sống cho đến ngày 10/6/2019 (âm lịch) là được 09 kỳ. Bà T quy ước kỳ đầu là ăn hụi 400.000 đồng, đóng hụi sống 1.600.000 đồng, những kỳ cuối ăn hụi 300.000 đồng, đóng hụi sống 1.700.000 đồng. Trong dây hụi này bà L đóng hụi thực tế tổng số tiền 14.600.000 đồng.

Tổng cộng, bà L đã đóng cho bà T số tiền hụi là 34.300.000 đồng.

Ngày 16/7/2019 (14/6/2019 âm lịch) bà T giựt hụi của bà và những hụi viên khác.

Bà L đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà T thanh toán lại tiền hụi đã góp nhưng đến nay bà T chưa thanh toán.

Nay bà L yêu cầu bà T và chồng bà T là ông Nguyễn Văn Q thanh toán tiền nợ hụi là 34.300.000đ (ba mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

Tại đơn khởi kiện bà L yêu cầu bà T, ông Q thanh toán tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng trên số tiền hụi đã đóng và yêu cầu bà T, ông Q phải thanh toán chi phí thuê luật sự là 10.000.000 đồng. Quá trình tố tụng bà L tự nguyện rút các yêu cầu này.

Tại phiên toà: Bà L giữ nguyên yêu cầu bà T, ông Q thanh toán số tiền nợ hụi là 34.300.000đ (ba mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Võ Thị Ngọc T trình bày:

Bà T xác định khoảng năm 2017 – 2018 bà có tổ chức góp hụi tại khu vực chợ P, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Bà Nguyễn Thị L có tham gia các dây hụi do bà tổ chức, tổng số tiền bà L đã góp hụi là 34.300.000 đồng.

Do bà T không biết cách quản lý tiền hụi và làm ăn kinh doanh gặp khó khăn dẫn đến mất khả năng thanh toán lại các khoản góp hụi của người chơi. Bà T xác định việc bà tổ chức các dây hụi, thu tiền hụi của các hụi viên và sử dụng số tiền thu được vào mục đích kinh doanh của cá nhân, ông Nguyễn Văn Q (chồng bà) hoàn toàn không biết và không liên quan đến các khoản tiền hụi mà các hụi viên đã đóng cho bà.

Bà T xác nhận còn nợ bà L số tiền 34.300.000 đồng và đồng ý thanh toán cho bà L số tiền 34.300.000 đồng.

Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Ông Q là chồng của bà Võ Thị Ngọc T. Ông hoàn toàn không biết việc bà T tổ chức các dây hụi và thu tiền của những người tham gia chơi hụi tại khu vực chợ P, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Nguồn tiền những người tham gia dây hụi của bà T đóng như thế nào, bao nhiêu tiền, bà T sử dụng vào mục đích gì ông Q hoàn toàn không biết, không được bà T thông báo cho biết, bà T không đưa tiền về để chi tiêu sinh hoạt gia đình.

Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu ông Q có trách nhiệm cùng bà T thanh toán số tiền hụi mà bà L đã đóng cho bà T là không có căn cứ nên ông Q không đồng ý.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ:

Về cơ bản Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự, cụ thể: Thu thập tài liệu chứng cứ đúng quy định, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết, các quyền và nghĩa vụ của đương sự đã được thực hiện đầy đủ. Tuy nhiên còn để quá thời hạn đưa vụ án ra xét xử cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Võ Thị Ngọc T thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 34.300.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải đóng án phí theo quy đinh của pháp luât.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Ngọc T thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng góp hụi, bị đơn bà Võ Thị Ngọc T hiện đang cư trú tại phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Như vậy, tranh chấp trên được xác định là tranh chấp hợp đồng góp hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bà Võ Thị Ngọc T, ông Nguyễn Văn Q có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà T, ông Q theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Bà Nguyễn Thị L và bà Võ Thị Ngọc T có quan hệ góp hụi trong khoảng thời gian năm 2018. Bà L xác định đã tham gia các dây hụi do bà T làm chủ và đóng cho bà T tổng số tiền 34.300.000 đồng, đến nay bà T chưa thanh toán lại. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu bà T và ông Q thanh toán số tiền 34.300.000 đồng.

Bà T thừa nhận bà L đã góp số tiền 34.300.000 đồng, bà T chưa thanh toán khoản tiền nào cho bà L và đồng ý thanh toán cho bà L số tiền 34.300.000 đồng.

Bà L xác định các lần đóng tiền hụi đều đóng trực tiếp cho bà T, không có sự chứng kiến của ông Q chồng bà T.

Quá trình giải quyết vụ án bà L không đưa ra được tài liệu chứng cứ để xác định ông Q biết việc bà T tổ chức các dây hụi và số tiền thu được từ việc tổ chức các dây hụi mục đích để phục vụ cho nhu cầu kinh tế trong gia đình ông Q, bà T. Bà T thừa nhận bà không cho ông Q biết việc bà tổ chức các dây hụi và thu tiền của những người chơi hụi. Ông Q xác định không biết việc bà T tổ chức các dây hụi, nguồn tiền thu từ việc tổ chức các dây hụi bà T sử dụng như thế nào ông Q hoàn toàn không biết nên không đồng ý cùng bà T thanh toán số tiền 34.300.000 đồng cho bà L.

Do đó, Hội đồng xét xử chỉ có căn cứ buộc bà Võ Thị Ngọc T thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền 34.300.000 đồng. Không có căn cứ buộc ông Q có nghĩa vụ liên đới cùng bà Thu thanh t cho bà L số tiền 34.300.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện bà L yêu cầu bà T, ông Q thanh toán tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng trên số tiền hụi đã đóng và yêu cầu bà T, ông Q phải thanh toán chi phí thuê luật sự là 10.000.000 đồng. Quá trình tố tụng và tại phiên toà bà L tự nguyện rút các yêu cầu trên. Do đó, căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cần buộc bị đơn bà Võ Thị Ngọc T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền 34.300.000 đồng.

[3]. Về Án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bà T phải nộp 1.715.000 đồng (một triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.179.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 228, Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 471 Bộ luật dân sự;

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Võ Thị Ngọc T, ông Nguyễn Văn Q về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với ông Nguyễn Văn Q về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Buộc bà Võ Thị Ngọc T có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số nợ là 34.300.000đ (ba mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu thanh toán tiền lãi và chi phí thuê luật sự của bà Nguyễn Thị L tại đơn khởi kiện.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Ngọc T phải nộp 1.715.000 đồng (một triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng).

H2 lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 1.179.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005740 ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thu Hiền

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND Tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS TX. Phú Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.